

BÌNH LUẬN ÁN LỆ SỐ 17/2018/AL VỀ NGƯỜI XÚI GIỤC TRONG ĐỒNG PHẠM

NGUYỄN THỊ PHƯƠNG HOA

Khoa Luật Hình sự, Trường Đại học Luật TP. Hồ Chí Minh
Faculty of Criminal Law, Ho Chi Minh City University of Law
Email: ntphoa@hcmulaw.edu.vn

Tóm tắt

Đồng phạm (ĐP) là trường hợp đặc biệt, có hai người trở lên cố ý cùng thực hiện một tội phạm. Việc xác định một vụ án có DP hay không và vai trò của từng người tham gia rất quan trọng đối với việc giải quyết trách nhiệm hình sự (TNHS). Án lệ số 17/2018/AL đã giúp làm rõ về hành vi của người xúi giục trong DP. Tuy nhiên, tình huống và giải pháp pháp lý trong án lệ về lỗi cố ý gián tiếp của người xúi giục và TNHS đối với trường hợp phạm tội chưa đạt đặt ra một số vấn đề cần được thảo luận khoa học. Đối chiếu với lý luận, tác giả phân tích một số điểm chưa phù hợp trong áp dụng pháp luật của tình huống án lệ, từ đó tác giả đề xuất một số kiến nghị đối với Án lệ số 17/2018/AL.

Từ khóa: Án lệ số 17/2018/AL, đồng phạm, người xúi giục, tội phạm

Abstract

Complicity is a distinct legal construct wherein two or more individuals intentionally engage in the commission of a criminal offence. The determination of whether a case involves complicity and the classification of each participant's role are critical to the adjudication of criminal liability. Precedent No. 17/2018/AL provides clarification on the conduct of instigators in cases of complicity. However, the legal reasoning and factual circumstances in the precedent, particularly concerning the instigator's indirect intent and the attribution of criminal liability in cases of incomplete offences, give rise to issues that merit further scholarly examination. Through a doctrinal analysis, this paper identifies inconsistencies in the application of the law in the precedent and proposes recommendations for refining the interpretation and application of Precedent No. 17/2018/AL.

Keywords: Precedent No. 17/2018/AL, complicity, instigator (inciter/inducer), crime

DOI: <https://doi.org/10.70236/tckhplvn.245>

Ngày nhận bài: 02/01/2025

Ngày duyệt đăng: 14/02/2025

Án lệ số 17/2018/AL về tình tiết “Có tính chất còn đồ” trong tội “Giết người” có đồng phạm

Được Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao thông qua ngày 17 tháng 10 năm 2018 và được công bố theo Quyết định số 269/QĐ-CA ngày 06 tháng 11 năm 2018 của Chánh án Tòa án nhân dân tối cao.

Nguồn án lệ: Quyết định giám đốc thẩm số 07/2018/HS-GĐT ngày 20-3-2018 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao về vụ án “Giết người” đối với bị cáo Nguyễn Văn H, sinh năm 1977; trú tại phố A, thị trấn C, huyện P, tỉnh Thừa Thiên Huế.

Bị hại: Ông Dương Quang Q.

Vị trí nội dung án lệ: Đoạn 1 phần “Nhận định của Tòa án”.

Khái quát nội dung của án lệ:

- **Tình huống án lệ:** Trong vụ án có ĐP, chỉ vì mâu thuẫn nhỏ trong sinh hoạt, các ĐP đã rú nhau đánh dần mặt bị hại.

Khi thực hiện tội phạm, người thực hành dùng mã tấu chém liên tiếp vào vùng đầu, mặt, chân, tay của bị hại; việc bị hại không chết là ngoài ý muốn chủ quan của người thực hành.

Người xúi giục không có mặt khi người thực hành thực hiện tội phạm, không biết việc người thực hành sử dụng mã tấu chém vào những vùng trọng yếu trên cơ thể bị hại nhưng đã để mặc cho hậu quả xảy ra.

- **Giải pháp pháp lý:** Trường hợp này, người thực hành phải bị truy cứu trách nhiệm hình sự về tội “Giết người” với tình tiết định khung là “Có tính chất côn đồ”. Người xúi giục bị truy cứu trách nhiệm hình sự về tội “Giết người” nhưng không bị áp dụng tình tiết định khung “Có tính chất côn đồ”.

Quy định của pháp luật liên quan đến án lệ:

Điểm n khoản 1 Điều 93 Bộ luật Hình sự năm 1999 (tương ứng điểm n khoản 1 Điều 123 Bộ luật Hình sự năm 2015);

Khoản 2 Điều 93 Bộ luật Hình sự năm 1999 (tương ứng với khoản 2 Điều 123 Bộ luật Hình sự năm 2015).

NỘI DUNG VỤ ÁN: (...)

NỘI DUNG ÁN LỆ

“[1] Theo các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án thì: Sau khi chứng kiến việc bố vợ là ông Dương Quang H bị các con của ông Dương Quang Q đánh, Nguyễn Văn H là người trực tiếp gọi điện báo cho Trần Quang V biết việc ông H bị đánh. Trong lúc ăn nhậu cùng V và Phạm Nhật T vào tối ngày 19-01-2015, biết V và T có ý định đi đánh ông Q để trả thù, H nói “Ba bị đánh thương lắm, chừ còn đau”, làm củng cố ý thức, quyết tâm của V trong việc đi đánh ông Q. H cũng là người chỉ nơi ở, đặc điểm nhận dạng của ông Q cho V và T biết để V và T có thể thực hiện hành vi đánh ông Q. Khi nghe V và T bàn bạc kế hoạch đi đánh ông Q, H không can ngăn mà còn nói “Nếu đánh thì đánh dần mặt thôi”, thể hiện sự thống nhất ý chí về việc đánh ông Q. Sau đó, H bỏ về trước. Thực tế, Trần Quang V đã dùng mã tấu chém liên tiếp vào vùng đầu, mặt, chân, tay ông Q làm ông Q gục ngay tại chỗ. Do mọi người can ngăn và được đưa đi cấp cứu kịp thời nên ông Q không chết là ngoài ý muốn chủ quan của V. Sau khi chém ông Q, V đã gọi liên tiếp ba cuộc điện thoại cho H để hỏi về thương tích của ông Q. Mặc dù, H không biết trước việc V dùng mã tấu chém liên tiếp vào những vùng trọng yếu trên cơ thể ông Q, có thể tước đoạt tính mạng của ông Q nhưng H đã thống nhất ý chí với V và T trong việc đánh ông Q, chấp nhận hậu quả xảy ra. Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm kết án Nguyễn Văn H ĐP với Trần Quang V và Phạm Nhật T về tội “Giết người” là có căn cứ. Tuy nhiên Tòa án cấp sơ thẩm kết án Nguyễn Văn H theo điểm n khoản 1 Điều 93 Bộ luật Hình sự năm 1999 với tình tiết định khung “Có tính chất côn đồ” là không đúng, bởi vì: Trong vụ án này Trần Quang V và Phạm Nhật T là người trực tiếp thực hiện hành vi đánh ông Q; chỉ vì mâu thuẫn nhỏ nhất trong sinh hoạt với các con của ông Q mà V và T đã dùng mã tấu chém nhiều nhất

vào những vùng trọng yếu trên cơ thể của ông Q nên chỉ hành vi phạm tội của V và T “Có tính chất côn đồ”, còn Nguyễn Văn H không trực tiếp tham gia đánh ông Q mà giúp sức cho V và T trong việc đánh ông Q nên hành vi phạm tội của H không “Có tính chất côn đồ” mà chỉ thuộc trường hợp quy định tại khoản 2 Điều 93 Bộ luật Hình sự năm 1999.”

BÌNH LUẬN

Đồng phạm là một trường hợp phạm tội đặc biệt với việc cố ý cùng thực hiện tội phạm của từ hai người trở lên, trong đó mỗi người đều đạt độ tuổi luật định và có năng lực TNHS.¹ Theo luật hình sự Việt Nam, có bốn loại người đồng phạm (NDP): người thực hành, người tổ chức, người xúi giục, người giúp sức. Đặc trưng trong hành vi của người xúi giục là tác động đến tinh thần của NDP khác ở các mức độ khác nhau. Hành vi của người xúi giục có thể tác động làm cho một người từ chưa có ý định phạm tội, đến hình thành ý định phạm tội và thực hiện tội phạm. Hoặc, hành vi của người xúi giục có thể tác động làm cho người đã có ý định phạm tội nhưng vẫn chưa quyết tâm thực hiện tội phạm trở nên quyết tâm và thực hiện tội phạm.²

Trên thực tế, việc xác định hành vi của người xúi giục trong ĐP là vấn đề phức tạp, bởi lẽ việc đánh giá giữa những NDP có “cố ý cùng thực hiện một tội phạm” và xác định sự tác động về tinh thần của một người đối với người khác đòi hỏi những chứng cứ và lập luận thuyết phục. Với bối cảnh trên, việc Tòa án Nhân dân Tối cao ban hành Án lệ số 17/2018/AL đã giúp giải thích rõ hơn đặc điểm của hành vi xúi giục trong tình tiết cụ thể của vụ án, đóng góp tích cực vào việc hướng dẫn áp dụng pháp luật. Án lệ này cũng hướng dẫn xác định tình tiết “có tính chất côn đồ” khi giải quyết vụ án có ĐP. Tuy nhiên, trong phạm vi bài viết, tác giả chỉ bình luận về điều kiện của ĐP và hành vi của người xúi giục. Áp dụng phương pháp nghiên cứu án điển hình mà cụ thể là Án lệ số 17/2018/AL, tác giả thảo luận những vấn đề khoa học cần tiếp tục xem xét trong án lệ này. Từ đó, tác giả đề xuất kiến nghị nhằm hướng dẫn áp dụng thống nhất, chính xác pháp luật hình sự về hành vi của người xúi giục trong ĐP.

1 Điều 17 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) và Vũ Thị Thúy, “Chương X: Đồng phạm”, trong Trần Thị Quang Vinh (Chủ biên), *Giáo trình Luật hình sự Việt Nam – Phần chung (Tái bản lần thứ nhất, có sửa đổi, bổ sung)*, Nxb. Hồng Đức – Hội Luật gia Việt Nam, Hà Nội, 2019, tr. 205 – 206.

2 Võ Khánh Vinh, “Chương XIII: Đồng phạm và trách nhiệm hình sự trong đồng phạm”, trong Võ Khánh Vinh (Chủ biên), *Giáo trình luật hình sự Việt Nam (Phần chung)*, Nxb. Công An Nhân dân, Hà Nội, 2005, tr. 282 – 283; Nguyễn Ngọc Hòa, “Chương X: Đồng phạm”, trong Nguyễn Ngọc Hòa (Chủ biên), *Giáo trình Luật hình sự Việt Nam (Tập 1) của Đại học Luật Hà Nội*, Nxb. Công an Nhân dân, Hà Nội, 2010, tr. 184; Vũ Thị Thúy, *tlđd*, tr. 215.

1. Vấn đề lý luận về người xúi giục trong đồng phạm và hành vi vượt quá

Trong quá trình giải quyết vụ án hình sự, để xác định một người là người xúi giục trong việc thực hiện một tội phạm cụ thể thì trước hết cần chứng minh hành vi của họ và những người liên quan thỏa mãn các đặc điểm của ĐP nêu tại Điều 17 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) (BLHS năm 2015). Sau đó, xác định hành vi của họ thỏa mãn các dấu hiệu đặc trưng về hành vi của người xúi giục. Ngoài ra, cũng cần đặc biệt lưu ý vấn đề “hành vi vượt quá”, bởi lẽ những NĐP không phải chịu TNHS về hành vi vượt quá của NĐP khác.

Thứ nhất, đặc điểm của đồng phạm. Theo quy định của BLHS năm 2015, hai hoặc nhiều người là những NĐP nếu họ “cố ý cùng thực hiện một tội phạm” (Điều 17). Để đáp ứng điều kiện này, hành vi của họ phải thỏa mãn các dấu hiệu khách quan và chủ quan của ĐP.³

Về khách quan, mỗi NĐP phải có năng lực TNHS và đạt độ tuổi mà BLHS quy định đối với loại tội phạm cụ thể họ thực hiện. Họ phải “cùng thực hiện một tội phạm”, có nghĩa là giữa họ phải có sự phối hợp với nhau trong việc thực hiện tội phạm. Khi một người không có hành vi tham gia vào việc thực hiện tội phạm thì không thể coi là họ cùng thực hiện một tội phạm với người khác. Vì vậy, mỗi người phải có hành vi tham gia vào việc thực hiện tội phạm ở một trong bốn dạng: hành vi của người thực hành, hành vi của người tổ chức, hành vi của người xúi giục hoặc hành vi của người giúp sức (khoản 3 Điều 17 BLHS năm 2015).

Ngoài ra, khi có hai người trở lên tham gia vào việc thực hiện tội phạm nhưng nếu hành vi của họ không có sự liên quan với nhau thì cũng chỉ là trường hợp phạm tội đơn lẻ. Vì vậy, để trở thành những NĐP thì họ phải có hoạt động chung. Họ phải có sự phối hợp về hành vi, hành vi của người này tạo thuận lợi cho hành vi của người khác trong việc thực hiện một tội phạm cụ thể.

Cần lưu ý là xét về mặt khách quan, hành vi của người này có thể tạo thuận lợi cho hành vi của người khác trong việc thực hiện tội phạm, nhưng nếu giữa họ không có sự kết nối về ý chí, có nghĩa là họ không cố ý tạo ra sự thuận lợi cho hành vi phạm tội của người khác thì cũng không có ĐP. Dấu hiệu chủ quan trong ĐP đòi hỏi những người tham gia vào việc thực hiện tội phạm phải “cố ý cùng” thực hiện một tội phạm (Điều 17 BLHS năm 2015). Điều này có nghĩa là ĐP không thể xảy ra với lỗi vô ý.

³ Một số tài liệu dùng thuật ngữ “dấu hiệu khách quan” và “dấu hiệu chủ quan”, ví dụ: Võ Khánh Vinh, *tlđđ*, tr. 281; Vũ Thị Thúy, *tlđđ*, tr. 205. Tuy nhiên, một số tài liệu sử dụng “dấu hiệu về mặt khách quan” và “dấu hiệu về mặt chủ quan”, xem: Nguyễn Ngọc Hòa, *tlđđ*, tr. 175 - 177.

Về ý thức và ý chí, mỗi NĐP phải thấy trước bản thân họ đang thực hiện hành vi nguy hiểm cho xã hội, thấy trước hậu quả nguy hiểm cho xã hội và mong muốn hoặc để mặc hậu quả đó xảy ra. Đồng thời, mỗi NĐP phải biết mình đang hoạt động chung với người khác và mong muốn người đó thực hiện hành vi nguy hiểm để cùng hưởng đến một hậu quả nguy hiểm (mong muốn hậu quả chung này) hoặc họ thấy trước hậu quả nguy hiểm chung và để mặc hậu quả đó xảy ra. Nói cách khác, ĐP có thể xảy ra khi thực hiện một tội phạm với lỗi cố ý trực tiếp hoặc cố ý gián tiếp.

Bên cạnh những dấu hiệu bắt buộc của mọi ĐP nêu trên, đối với những tội phạm có cấu thành tội phạm vật chất, còn đòi hỏi thêm hậu quả nguy hiểm của tội phạm phải là kết quả của hoạt động chung giữa những NĐP và có quan hệ nhân quả giữa hậu quả chung này với hoạt động chung của những NĐP.⁴ Đối với những tội phạm mà BLHS năm 2015 quy định có dấu hiệu động cơ hoặc mục đích là dấu hiệu định tội thì mỗi người phạm tội đều phải có động cơ hoặc mục đích luật định.⁵

Thứ hai, đặc trưng về hành vi của người xúi giục. Theo khoản 3 Điều 17 BLHS năm 2015, người xúi giục là người “kích động, dụ dỗ, thúc đẩy người khác thực hiện tội phạm”. Trong các dạng NĐP thì người xúi giục có hành vi tác động đến ý chí của NĐP khác làm cho người bị tác động từ chỗ chưa có ý định phạm tội, xuất hiện ý định phạm tội hoặc từ tình trạng mạnh nha, chưa chắc chắn về việc thực hiện tội phạm trở nên quyết tâm thực hiện tội phạm.

Hành vi “kích động”, “dụ dỗ” có thể được thực hiện với các thủ đoạn khác nhau. Hành vi “thúc đẩy” người khác thực hiện tội phạm có thể bao gồm sự uy hiếp tinh thần như: cưỡng ép, đe dọa.⁶ Tuy nhiên, về vấn đề này có hai trường hợp cần phải xem xét.

Một là, nếu hành vi tác động đến tinh thần người khác ở dạng đe dọa, cưỡng ép và “sự tác động đó hoàn toàn loại trừ khả năng của người bị tác động thể hiện ý chí của mình” thì đây được coi là “cưỡng bức tinh thần”.⁷ Trong trường hợp này, người bị cưỡng bức không phải chịu TNHS vì xử sự của họ không thỏa mãn yêu cầu về đặc điểm của hành vi khách quan của tội phạm. Người có hành vi cưỡng bức tinh thần là

4 Nguyễn Ngọc Hòa, *tlđđ*, tr. 177; Vũ Thị Thúy, *tlđđ*, tr. 207.

5 Võ Khánh Vinh, *tlđđ*, tr. 286-287; Vũ Thị Thúy, *tlđđ*, tr. 210 – 211; Cao Thị Oanh, “Vấn đề mặt chủ quan của đồng phạm”, *Tạp chí Luật học*, số 2, 2002, tr. 30-31.

6 Nguyễn Ngọc Hòa, *tlđđ*, tr. 184-185; Võ Khánh Vinh, *tlđđ*, tr. 283.

7 Vũ Thị Thúy, “Chương VI. Mặt khách quan của tội phạm” trong Trần Thị Quang Vinh (Chủ biên), *Giáo trình Luật hình sự Việt Nam – Phần chung (Tái bản lần thứ nhất, có sửa đổi, bổ sung)*, Nxb. Hồng Đức – Hội Luật gia Việt Nam, Hà Nội, 2019, tr. 123 – 124.

người thực hành ở dạng sử dụng người khác như công cụ hoặc phương tiện phạm tội.⁸

Hai là, nếu hành vi tác động đến tinh thần người khác ở dạng đe dọa, cưỡng ép nhưng người bị tác động vẫn còn khả năng lựa chọn hành vi thì người uy hiếp tinh thần của người khác vẫn phải chịu TNHS. Người có hành vi đe dọa, cưỡng ép người khác thực hiện tội phạm là NĐP với vai trò xúi giục nếu thỏa mãn các đặc điểm của ĐP.

ĐP là trường hợp hai hoặc nhiều người cố ý cùng thực hiện “một tội phạm”.⁹ Do vậy, hành vi của người xúi giục tác động đến tinh thần của người khác phải hướng đến một tội phạm cụ thể,¹⁰ khi ấy hành vi của họ với hành vi của người bị xúi giục (thông thường là người thực hành) mới thỏa mãn điều kiện về ĐP. Do đó, khi xem xét hành vi của một người có phải là hành vi của người xúi giục hay không, cần lưu ý về tội phạm cụ thể mà người xúi giục thúc đẩy người khác thực hiện. Vấn đề này quan trọng ở hai khía cạnh. Đầu tiên, đây là điều kiện của ĐP, và thứ hai, điều này giúp giới hạn phạm vi TNHS của người xúi giục. Người xúi giục không phải chịu TNHS về hành vi vượt quá của người bị xúi giục.

Thứ ba, hành vi vượt quá. Hành vi vượt quá là hành vi vượt ra ngoài tội phạm cụ thể mà những NĐP đã cố ý cùng thực hiện. Như đã đề cập, Điều 17 BLHS năm 2017 xác định: “ĐP là trường hợp hai người trở lên cố ý cùng thực hiện một tội phạm”. Như vậy, về ý chí, những NĐP cùng cố ý đối với một tội phạm cụ thể. Do vậy, hành vi vượt ra ngoài một tội phạm cụ thể theo ý chí chung của những NĐP là hành vi vượt quá.

Hành vi vượt quá có thể là vượt quá về mức độ thực hiện hành vi (vượt quá về số lượng) hoặc vượt quá về tính chất của hành vi (vượt quá về chất lượng).¹¹ Khi hành vi vượt quá về mức độ thực hiện hành vi, người có hành vi vượt quá không thực hiện thêm một tội phạm khác mà chỉ chịu TNHS tăng nặng hơn đối với mức độ thực hiện hành vi vượt ra ngoài tội phạm mà những NĐP “cố ý cùng thực hiện”.

Trong trường hợp vượt quá về tính chất của hành vi, hành vi vượt quá thỏa mãn một tội phạm khác so với tội phạm mà những NĐP cùng cố ý thực hiện ban đầu, chỉ riêng người thực hiện hành vi vượt quá phải chịu TNHS về tội phạm liên quan đến hành vi vượt quá đó. Trong thực

8 Vô Khánh Vinh, *tlđđ*, tr. 290; Vũ Thị Thúy, *tlđđ*, tr. 212 – 213.

9 Những người đồng phạm có thể cố ý cùng thực hiện nhiều tội phạm, nhưng đối với mỗi tội phạm đều phải chứng minh hành vi của họ thỏa mãn các dấu hiệu của đồng phạm.

10 Nguyễn Ngọc Hòa, *tlđđ*, tr. 185; Vô Khánh Vinh, *tlđđ*, tr. 293; Vũ Thị Thúy, *tlđđ*, tr. 215.

11 Vũ Thị Thúy, *tlđđ*, tr. 225. Xem thêm: Đinh Văn Quế, “Hành vi vượt quá của người thực hành trong vụ án có đồng phạm”, *Tạp chí Luật sư Việt Nam*, số 91, 2016.

tế hành vi vượt quá có thể đa dạng, phức tạp nên việc định tội danh đối với hành vi vượt quá cần xem xét toàn diện cơ sở lý luận và pháp lý để định tội danh chính xác.

2. Hành vi của người xúi giục trong tình huống Án lệ số 17/2018/AL và giải pháp pháp lý

Trong tình huống của Án lệ số 17/2018/AL, Tòa án nhận định Nguyễn Văn H, Trần Quang V và Phạm Nhật T là những NĐP về tội giết người, trong đó Nguyễn Văn H là người xúi giục. Trong Án lệ này, cần thảo luận: hành vi của H có thỏa mãn điều kiện của ĐP về tội giết người với vai trò là người xúi giục hay không? Có hành vi vượt quá của NĐP khác không? Theo tác giả bài viết, hành vi của V và T thỏa mãn điều kiện của đồng phạm về tội giết người, nhưng hành vi của H không thỏa mãn ĐP về tội giết người. Hành vi giết người của V và T là hành vi vượt quá khi xem xét về ĐP với H.

V và H đồng phạm về tội giết người

Trong tình huống án lệ, V và H đồng phạm về tội giết người, trong đó V là người thực hành và T là người giúp sức. Cụ thể, V rủ T đi đánh nạn nhân. V nói với T “Tỷ nữa nhậu xong tau với mi đi đánh lại”, “Có gì tao vào đánh, người dân ra thì mi chặn lại”. Khi thấy nạn nhân, “V lấy 01 cây mã tấu có lưỡi hình răng cưa rồi chạy đến chém liên tiếp vào đầu, mặt, lưng, chân và tay ông Q làm ông Q bị ngã gục xuống đất”. Hành vi dùng mã tấu là hung khí nguy hiểm, chém nhiều nhát vào đầu, mặt, chân, tay của nạn nhân trong đó có nhiều nhát chém vào vùng trọng yếu trên cơ thể nạn nhân thể hiện tính mãnh liệt của hành vi (nạn nhân bị đứt gần lìa 1 bàn tay trái, gãy nhiều răng). Các hành vi của V có tính chất tước bỏ tính mạng của nạn nhân. Đây là hành vi khách quan của tội giết người, vì vậy V là người thực hành.

Về hành vi của T, khi được V rủ, T đồng ý tham gia và giữa họ có hoạt động chung. Cụ thể, “T đồng ý và lên xe máy để V chở đến nhà ông Q”. Tại hiện trường khi V dùng mã tấu chém nạn nhân, “do nhiều người dân xung quanh nhìn thấy hô hoán và chạy đến nên T cầm mã tấu đe dọa, ngăn chặn tạo điều kiện cho V chạy đến chỗ để xe máy và nổ máy tẩu thoát”.¹² Hành vi của T tạo điều kiện thuận lợi cho V thực hiện tội phạm, do vậy T là người giúp sức.

Xét về ý thức và ý chí, V và T là những người đạt độ tuổi luật định và có năng lực TNHS, có khả năng nhận thức và điều khiển hành vi. Do vậy, V và T phải thấy trước hành vi của họ (dùng mã tấu chém mạnh nhiều nhát vào đầu, mặt, chân, tay nạn nhân với sự mãnh liệt, làm nạn nhân bị đứt gần lìa tay trái và gãy nhiều răng cửa, răng hàm)

12 Phần Nội dung vụ án của Bản án được chọn làm án lệ.

là nguy hiểm cho xã hội. Mỗi người đều biết họ hoạt động cùng nhau (T chở V đến nhà ông Q, cùng V chờ ông Q, hỗ trợ V tẩu thoát).

Tội phạm giết người có cấu thành tội phạm vật chất, nên để thỏa mãn dấu hiệu chủ quan của ĐP về tội giết người, V và T phải thấy trước hoạt động chung của họ có thể gây ra hậu quả nạn nhân chết. Trong tình huống này, V thực hiện hành vi chém nạn nhân và T có mặt tại hiện trường, chứng kiến ông Q gục xuống đất do bị chém nhiều nhát vào những vùng trọng yếu trên cơ thể, nên cả hai đều phải thấy trước hậu quả nạn nhân có thể chết. Việc họ cùng nhau phối hợp hành động phản ánh họ cùng mong muốn hậu quả cái chết xảy ra. Nạn nhân không chết là ngoài ý chí chủ quan của họ. V và T thực hiện tội phạm với lỗi cố ý trực tiếp.

Đây là trường hợp phạm chưa đạt vì tội giết người có cấu thành tội phạm vật chất, hậu quả chết người xảy ra thì tội phạm mới hoàn thành.¹³ Về lý luận, giai đoạn phạm tội chưa đạt chỉ có thể xảy ra với lỗi cố ý trực tiếp.¹⁴ Bên cạnh việc thấy trước hành vi của mình là nguy hiểm cho xã hội, người phạm tội phải thấy trước hậu quả nguy hiểm cho xã hội và mong muốn hậu quả đó xảy ra.¹⁵ Trong vụ án có ĐP, những NĐP thấy trước hậu quả nguy hiểm cho xã hội của hoạt động chung và mong muốn hậu quả đó xảy ra. Trong tình huống án lệ, V và T thực hiện tội phạm với lỗi cố ý trực tiếp, thấy trước hoạt động chung của họ có thể gây ra cái chết cho ông V. Do vậy, việc xử lý V và T đồng phạm về tội giết người ở giai đoạn chưa đạt với lỗi cố ý trực tiếp là phù hợp.

H không đồng phạm về tội giết người

Tuy nhiên, hành vi của H không thỏa mãn điều kiện của ĐP về tội giết người. Trong vụ án, Nguyễn Văn H đã có hành vi xúi giục, tác động đến tinh thần của V là người thực hành. Cụ thể, khi V chưa biết

13 Trần Thị Quang Vinh, “Chương II. Các tội xâm phạm tính mạng, sức khỏe, nhân phẩm, danh dự của con người” trong Trần Thị Quang Vinh (Chủ biên), *Giáo trình Luật hình sự Việt Nam (Phần các tội phạm - Quyển 1)*, Nxb. Hồng Đức, Hà Nội, 2021, tr. 53-54.

14 Võ Khánh Vinh, “Chương XII. Các giai đoạn thực hiện tội phạm”, trong Võ Khánh Vinh (Chủ biên), *tlđđ*, tr. 272; Phan Anh Tuấn, “Chương IX. Các giai đoạn thực hiện tội phạm” trong Trần Thị Quang Vinh (Chủ biên), *Giáo trình Luật hình sự Việt Nam – Phần chung (Tái bản lần thứ nhất, có sửa đổi, bổ sung)*, Nxb. Hồng Đức – Hội Luật gia Việt Nam, Hà Nội, 2019, tr. 185; Trần Kim Chi, “Các giai đoạn phạm tội: Lý luận, thực trạng quy định của Bộ luật Hình sự năm 2015 và định hướng tiếp tục hoàn thiện pháp luật”, *Tạp chí Luật học*, số 5, 2022, tr. 61; Nguyễn Ngọc Chí, “Chương 10. Các giai đoạn phạm tội” trong quyển sách Lê Văn Cẩm (Chủ biên), *Giáo trình Luật hình sự Việt Nam (Phần chung)*, Nxb. Đại học Quốc gia Hà Nội, Hà Nội, 2021, tr. 214; Lê Cẩm, Vũ Trung và Nông Thị Quỳnh Như, “Các giai đoạn phạm tội và việc tiếp tục hoàn thiện các điều khoản có liên quan trong pháp luật hình sự tương lai”, *Tạp chí Kiểm sát*, số 01, 2021, tr. 24.

15 Võ Khánh Vinh, *tlđđ*, tr. 272.

cha vợ bị đánh thì chính H là “người trực tiếp gọi điện báo cho Trần Quang V biết việc ông H bị đánh.” Ngoài ra, khi biết V và T bàn bạc việc đi đánh nạn nhân, H tiếp tục có hành vi tác động đến tinh thần của V bằng câu nói: “Ba bị đánh thương lắm, chừ còn đau”. Các hành vi của H tác động vào tinh thần của V làm cho V từ chỗ chưa có ý định phạm tội đến chỗ có ý định phạm tội, củng cố thêm ý định phạm tội và thực hiện tội phạm.

Tuy nhiên, để xác định ĐP về một tội phạm cụ thể thì cần xem xét kỹ lưỡng ý chí chung của những NĐP về tội phạm cụ thể mà họ cùng nhau thực hiện và xác định có hành vi vượt quá hay không. Trong tình huống này, câu hỏi đặt ra là H có xúi giục V giết nạn nhân không? Đặc biệt lưu ý là câu nói của H: “Nếu đánh thì đánh dần mặt thôi”. Ngoài ra, H không có mặt tại hiện trường của vụ án và “không biết” việc V và T chém nạn nhân nhiều nhất. Sau khi vụ án xảy ra, H còn hỏi lại V: “Thế em có chém ông Q không? Ông Q đi Bệnh viện rồi”. Những tình tiết của vụ án phản ánh ý chí của H là không mong muốn giết nạn nhân. H không cố ý về tội giết người, đồng thời không có mặt tại nơi thực hiện tội phạm nên cũng không “cùng cố ý” với V và T về tội giết người. Do vậy hành vi của H không thỏa mãn ĐP về tội giết người với lỗi cố ý trực tiếp.

Mặt khác, một vấn đề pháp lý đáng chú ý là hành vi của H có thỏa mãn dấu hiệu ĐP về tội giết người với lỗi cố ý gián tiếp hay không? Theo khoản 2 Điều 10 BLHS năm 2015, lỗi cố ý gián tiếp được quy định như sau:

“Người phạm tội nhận thức rõ hành vi của mình là nguy hiểm cho xã hội, thấy trước hậu quả của hành vi đó có thể xảy ra, tuy không mong muốn nhưng vẫn có ý thức để mặc cho hậu quả xảy ra”.

Theo quy định trên, người phạm tội phải nhận thức được rõ ràng hành vi của mình là nguy hiểm cho xã hội và phải thấy trước hậu quả nguy hiểm cho xã hội do hành vi của mình gây ra. Tuy thấy trước hậu quả nguy hiểm cho xã hội, nhưng người phạm tội vẫn thực hiện hành vi với ý thức để mặc, hay nói cách khác, chấp nhận hậu quả nguy hiểm đó. Đối với tội giết người, người phạm tội phải thấy trước hành vi của mình có thể gây ra hậu quả nguy hiểm là cái chết của nạn nhân, nhưng vẫn thực hiện hành vi với ý thức để mặc nạn nhân chết.

Ngược lại, trường hợp một người không thấy trước hậu quả nguy hiểm cho xã hội do hành vi của mình gây ra thì không thỏa mãn điều kiện của lỗi cố ý gián tiếp. Thấy trước hậu quả nguy hiểm cho xã hội có nghĩa là đã hình dung trước trong suy nghĩ của mình về hậu quả đó, ý thức được hậu quả đó. Thấy trước hậu quả nguy hiểm đồng nghĩa

với việc nhận thức được, biết trước hậu quả nguy hiểm đó.¹⁶ Như vậy, “để mặc” hậu quả xảy ra, theo quy định tại BLHS, là trường hợp người phạm tội phải thấy trước hậu quả nguy hiểm và chấp nhận hậu quả đó.

“Không biết” là tình trạng phủ định của “biết”. “Không biết” là trạng thái một người không nhận thức được hoặc không thấy được một vấn đề nào đó. Do vậy, “không biết” thì tất yếu “không thấy trước” và khi không thấy trước thì không có tình trạng “để mặc”.

Trong trường hợp ĐP với lỗi cố ý gián tiếp, về ý thức, mỗi người đều phải thấy trước hậu quả chung và về ý chí, họ để mặc hậu quả chung xảy ra.¹⁷ Trong tình huống án lệ:

“Người xúi giục không có mặt khi người thực hành thực hiện tội phạm, không biết việc người thực hành sử dụng mã tấu chém vào những vùng trọng yếu trên cơ thể bị hại nhưng đã để mặc cho hậu quả xảy ra”.

H không biết về hành vi nguy hiểm của những NĐP khác do vậy H không thể thấy trước được hậu quả nguy hiểm cho xã hội. Khi không thấy trước hậu quả nguy hiểm cho xã hội thì H không thể “để mặc” cho hậu quả đó xảy ra. Giải pháp pháp lý của vụ án xử lý H đồng phạm với V và T về tội giết người chưa phù hợp với quy định về ĐP và lỗi cố ý gián tiếp tại Điều 17 và khoản 2 Điều 10 BLHS năm 2015.

Ngoài ra, giải pháp pháp lý của án lệ còn có sự mâu thuẫn với lý luận. Khi nạn nhân không chết, tội giết người được thực hiện ở giai đoạn phạm tội chưa đạt. Các trường hợp tội phạm chưa hoàn thành chỉ có thể được thực hiện với lỗi cố ý trực tiếp. Điều này xuất phát từ lý do chỉ khi một người có ý định phạm tội cụ thể và mong muốn thực hiện ý định đó thì họ mới thực hiện những hành vi cần thiết để hiện thực hóa ý định của bản thân.¹⁸ Mong muốn thực hiện một ý định phạm tội có nghĩa là nhận thức được hành vi của mình nguy hiểm cho xã hội, thấy trước hậu quả nguy hiểm đó và muốn nó xảy ra, đây chính là biểu hiện của lỗi cố ý trực tiếp.

Đối với tội giết người, nạn nhân không chết thì tội phạm ở giai đoạn phạm tội chưa đạt. Nếu người phạm tội thực hiện tội phạm với lỗi cố ý gián tiếp thì hành vi của họ không cấu thành tội giết người. Cụ thể, giáo trình của Đại học Luật Hà Nội đã phân tích:

16 Nước ngoài cũng đòi hỏi đối với nhận thức về hậu quả nguy hiểm đối với tội phạm có cấu thành tội phạm vật chất, xem: William Wilson, *Criminal law (6th Edition)*, Nxb. Pearson Education Limited, 2017, tr. 146.

17 Vũ Thị Thúy, *tlđđ*, tr. 209 – 210; Nguyễn Minh Hải, Phạm Ngọc Cao, “Cần nhận thức thống nhất dấu hiệu của đồng phạm trong áp dụng pháp luật”, *Tạp chí Nghiên cứu Lập pháp*, số 09, tập 361, 2018, tr. 51.

18 Nguyễn Ngọc Hòa, “Chương IX. Các giai đoạn thực hiện tội phạm” trong Nguyễn Ngọc Hòa (Chủ biên), *tlđđ*, tr. 159; Phan Anh Tuấn, *tlđđ*, tr. 185.

“Nếu hậu quả chết người chưa xảy ra và lỗi của người phạm tội là cố ý gián tiếp thì người phạm tội chỉ phải chịu TNHS về tội cố ý gây thương tích (nếu thương tích xảy ra thỏa mãn đòi hỏi của cấu thành tội phạm tội này) mà không phải chịu TNHS về tội giết người chưa đạt”.¹⁹

Đối với Án lệ số 17/2018/AL, khi Bản án kết luận H phạm tội với lỗi cố ý gián tiếp (để mặc hậu quả xảy ra) nhưng lại buộc H chịu trách nhiệm về tội giết người ở giai đoạn phạm tội chưa đạt do nạn nhân chưa chết là mâu thuẫn sâu sắc với lý luận phổ biến trong khoa học pháp lý hình sự Việt Nam.

Với các điểm chưa phù hợp với lý luận trong giải pháp pháp lý của án lệ như đã phân tích, tác giả đồng ý với quan điểm của Tòa án Cấp cao tại Đà Nẵng xét xử H về tội cố ý gây thương tích cho người khác. Theo quan điểm này, V và T đã có hành vi vượt ra ngoài tội phạm mà H cố ý cùng thực hiện, do vậy chỉ có V và T chịu TNHS về tội giết người ở giai đoạn chưa đạt.

3. Một số kiến nghị đối với Án lệ số 17/2018/AL

Trên thực tế có nhiều vụ án với tình huống tương tự như tình huống của Án lệ số 17/2018/AL. Ví dụ: A (phụ nữ) thuê ở trọ một mình nên thường bị C (người thuê trọ ở gần) trêu chọc. A cảm thấy bị làm phiền nên gọi em trai là B đến nhờ đánh C. A nói với B không được giết C và chỉ đánh dần mặt để C không trêu chọc nữa. B đồng ý và bảo A ở trong nhà đóng kín cửa lại. B gõ cửa, C mở cửa và bị B dùng dao chém nhiều nhát vào mặt, đầu; trong đó một số hành vi thể hiện sự mãnh liệt nhưng nạn nhân không chết. A không biết B dùng dao chém vào những vùng trọng yếu trên thân thể của C. Trong trường hợp này, nếu áp dụng giải pháp pháp lý như Án lệ số 17/2018/AL thì A sẽ bị coi là người xúi giục và ĐP với B về tội giết người. Điều này gây ra nhiều băn khoăn về tính chất ĐP của A, mâu thuẫn với lý luận và quy định của BLHS về đặc điểm của lỗi cố ý gián tiếp, đồng thời cũng mâu thuẫn với lý luận về lỗi cố ý trực tiếp trong giai đoạn phạm tội chưa đạt.

Với các phân tích về lý luận nêu trên, tác giả đề xuất xem xét lại tình huống pháp lý và giải pháp pháp lý của Án lệ số 17/2018/AL đối với hành vi của H. Thiết nghĩ cần xem xét thấu đáo quan điểm của Tòa án Nhân dân Cấp cao Đà Nẵng về tội danh của H trong vụ án này. Những điểm đang không phù hợp với lý luận và quy định của BLHS cần được phân tích, lập luận rõ ràng và thuyết phục.

¹⁹ Nguyễn Ngọc Hòa, “Chương II. Các tội xâm phạm tính mạng, sức khỏe, nhân phẩm, danh dự của con người”, trong Nguyễn Ngọc Hòa (Chủ biên), *tlđđ*, 2021, tr. 61.

Ngoài ra, trong vụ án trên, vấn đề pháp lý về định khung hình phạt cũng rất phức tạp và cần có hướng dẫn của Tòa án Nhân dân Tối cao. Cụ thể trong tình huống án lệ, do nạn nhân không chết và tổng tỷ lệ tổn thương cơ thể là 51% nên Tòa án Nhân dân Cấp cao Đà Nẵng xác định H phạm tội cố ý gây thương tích cho người khác theo khoản 2 Điều 104 BLHS năm 1999. Nếu nạn nhân chết, thì vấn đề định tội và quyết định hình phạt phát sinh những vấn đề phức tạp, đòi hỏi phải xem xét thêm.

Cụ thể, việc xác định hậu quả của tội phạm là yêu cầu quan trọng đối với việc áp dụng đúng khung hình phạt đối với người phạm tội Cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác. Do H không mong muốn V và T giết nạn nhân nên H không đồng phạm với V và T về tội giết người. Vậy H chịu TNHS về Tội cố ý gây thương tích cho người khác ở khoản nào nếu nạn nhân chết. H có phải chịu TNHS theo điểm a khoản 4 Điều 134 BLHS năm 2015 với tình tiết “làm chết người” với hỗn hợp lỗi?

Hỗn hợp lỗi là trường hợp người phạm tội có lỗi cố ý đối với hành vi nhưng vô ý đối với hậu quả tăng nặng phát sinh từ hành vi phạm tội. Về lý luận, ĐP không thể xảy ra đối với những trường hợp phạm tội với lỗi vô ý, nhưng ĐP có thể xảy ra đối với trường hợp “hỗn hợp lỗi” hay không? Cố ý gây thương tích dẫn đến hậu quả chết người theo điểm a khoản 4 Điều 134 BLHS năm 2015 là trường hợp có hỗn hợp lỗi. Người phạm tội cố ý đối với hành vi gây thương tích nhưng không mong muốn, cũng không để mặc hậu quả chết người xảy ra. Hậu quả chết người xảy ra với lỗi vô ý.²⁰

Về lý luận, tác giả thấy đây là điểm còn trống vắng trong các tài liệu khoa học pháp lý của Việt Nam. Tuy nhiên, Án lệ đầu tiên về hình sự của Việt Nam đã giải quyết vấn đề này. Phần khái quát nội dung của Án lệ số 01/2016/AL đã nêu:

“Trong vụ án có ĐP, nếu chứng minh được ý thức chủ quan của người chủ mưu là chỉ thuê người khác gây thương tích cho người bị hại mà không có ý định tước đoạt tính mạng của họ (người chủ mưu chỉ yêu cầu gây thương tích ở chân, tay của người bị hại mà không yêu cầu tấn công vào các phần trọng yếu của cơ thể có khả năng dẫn đến chết người); người thực hành cũng đã thực hiện theo đúng yêu cầu của người chủ mưu; việc nạn nhân bị chết nằm ngoài ý thức chủ quan của người chủ mưu thì người chủ mưu phải chịu TNHS về tội “Cố ý gây thương tích” với tình tiết định khung là “gây thương tích dẫn đến chết người”.²¹

20 Nguyễn Ngọc Hòa (Chủ biên), *tldđ*, tr. 103–104.

21 Án lệ số 01/2016/AL ngày 06/4/2016 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao.

Tác giả bài viết đồng ý với quan điểm xử lý nêu trong Ấn lệ số 01/2016/AL. Giải pháp pháp lý này có thể được khái quát cao hơn và không chỉ áp dụng đối với người tổ chức mà cả những NDP khác, bao gồm người xúi giục. ●

Tài liệu tham khảo

- [1] Ấn lệ số 01/2016/AL ngày 06/4/2016 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao [trans:Precedent No. 01/2016/AL dated April 6, 2016, of the Council of Judges of the Supreme People's Court]
- [2] Ấn lệ số 17/2018/AL ngày 06/11/2018 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao[trans: Precedent No. 17/2018/AL dated November 6, 2018, of the Council of Judges of the Supreme People's Court]
- [3] Lê Cẩm, Vũ Trung và Nông Thị Quỳnh Như, “Các giai đoạn phạm tội và việc tiếp tục hoàn thiện các điều khoản có liên quan trong pháp luật hình sự tương lai”, *Tạp chí Kiểm sát*, số 01, 2021 [trans: Le Cam, Vu Trung, and Nong Thi Quynh Nhu, “Stages of crime and the continued improvement of relevant provisions in future criminal law”, *Procuracy Journal*, No. 01, 2021]
- [4] Trần Kim Chi, “Các giai đoạn phạm tội: Lý luận, thực trạng quy định của Bộ luật Hình sự năm 2015 và định hướng tiếp tục hoàn thiện pháp luật”, *Tạp chí Luật học*, số 5, 2022 [trans: Stages of Crime: Theoretical perspectives, current provisions under the 2015 Penal Code, and directions for further legal improvement, *Journal of Legal Studies*, No. 5, 2022]
- [5] Nguyễn Ngọc Chí, “Chương 10. Các giai đoạn phạm tội” trong quyển sách Lê Văn Cẩm (Chủ biên), *Giáo trình Luật hình sự Việt Nam (Phần chung)*, Nxb. Đại học Quốc gia Hà Nội, Hà Nội, 2021 [trans: Nguyễn Ngọc Chí, “Chapter 10. Stages of crime”, in Lê Văn Cẩm (Ed.), *Vietnamese criminal law Textbook (General Part)*, Hanoi National University Publishing House, Hanoi, 2021]
- [6] Nguyễn Minh Hải, Phạm Ngọc Cao, “Cần nhận thức thống nhất dấu hiệu của ĐP trong áp dụng pháp luật”, *Tạp chí Nghiên cứu Lập pháp*, số 09, tập 361, 2018 [trans: Nguyen Minh Hai and Phạm Ngọc Cao, “A unified understanding of constituent elements of criminal acts is needed in law application”, *Legislative Studies Journal*, Vol. 361(09), 2018]
- [7] Nguyễn Ngọc Hòa (Chủ biên), *Giáo trình Luật hình sự Việt Nam (Tập 1)*, Đại học Luật Hà Nội, Nxb. Công an Nhân dân, Hà Nội, 2010 [trans: Nguyen Ngoc Hoa (ed.), *Vietnamese criminal law textbook (Volume 1)*, Hanoi Law University, People's Public Security Publishing House, Hanoi, 2010]
- [8] Cao Thị Oanh, “Vấn đề mặt chủ quan của ĐP”, *Tạp chí Luật học*, số 2, 2002 [trans: Cao Thi Oanh, “The subjective element of criminal acts”, *Journal of Legal Studies*, No. 2, 2002]
- [9] Đinh Văn Quế, “Hành vi vượt quá của người thực hành trong vụ án có ĐP”, *Tạp chí Luật sư Việt Nam*, số 91, 2016 [trans: Dinh Van Que, “Excessive acts by the principal offender in cases involving complicity”, *Vietnamese Lawyer Journal*, No. 91, 2016]
- [10] Trần Thị Quang Vinh (Chủ biên), *Giáo trình Luật hình sự Việt Nam – Phần chung (Tái bản lần thứ nhất, có sửa đổi, bổ sung)*, Nxb. Hồng Đức – Hội Luật gia Việt Nam, Hà Nội, 2019 [Tran Thi Quang Vinh (ed.), *Vietnamese criminal law textbook – General part (first revised and supplemented edition)*, Hong Duc Publishing House – Vietnam Lawyers Association, Hanoi, 2019]
- [11] Trần Thị Quang Vinh (Chủ biên), *Giáo trình Luật hình sự Việt Nam (Phần các tội phạm - Quyển 1)*, Nxb. Hồng Đức, Hà Nội, 2021 [trans: Tran Thi Quang Vinh (ed.), *Vietnamese criminal law textbook (Part on criminal offenses – Volume 1)*, Hong Duc Publishing House, Hanoi, 2021]
- [12] Võ Khánh Vinh (Chủ biên), *Giáo trình luật hình sự Việt Nam (Phần chung)*, Nxb. Công An Nhân dân, Hà Nội, 2005 [trans: Vo Khanh Vinh (ed.), *Vietnamese criminal law textbook (General part)*, People's Public Security Publishing House, Hanoi, 2005]